

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC-TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Nhanh.

ông Nguyễn Tiến Bộ.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Duy Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị N, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội 8, thôn N, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội 8, thôn N, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn,

đăng ký ngày 17/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, trong phát triển kinh tế gia đình, nên không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn và được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Từ năm 2020 chị đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại xã A, huyện M, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: chị và anh Nguyễn Văn Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15/11/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung ở với anh Th và ông bà nội. Từ tháng 5/2023 đến nay 02 con chung đang ở với chị, do chị chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập tại xã An Tiến. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th: hiện có hộ khẩu và đang cư trú tại đội 8, thôn N, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do, cũng như không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến.

Ngày 10/4/2023, Tòa án lấy lời khai của ông Nguyễn Văn K là bố đẻ của anh Nguyễn Văn Th, ông K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông xác nhận quan hệ hôn nhân, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn Th như chị N trình bày là đúng. Gia đình ông đã cố gắng khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế từ năm 2021 đến nay, chị N về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại thôn Vạn Thắng, xã An Tiến, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã nhận thay và giao đầy đủ, kịp thời cho anh Th. Việc chị N xin ly hôn anh Th, anh Th đã biết và xác nhận với ông là nếu chị N kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật và anh xin được giải quyết vắng mặt.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15/11/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung ở với anh Th và ông bà nội. Vì hiện anh Th bận đi làm ăn xa trong miền Nam thỉnh thoảng mới về nên quan điểm của ông

và anh Th cũng đồng ý giao các cháu H và cháu H1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức phát biểu quan điểm:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã kéo dài, cuộc sống chung không tồn tại, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15/11/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị Lê Thị N trình bày không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Th có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn N, xã X, huyện M, thành phố Hà Nội, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Văn Th dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dù đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, thực tế từ năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Th bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: xét yêu cầu nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15/11/2015 của chị N thì thấy: hiện nay 02 con chung đang ở cùng chị N, được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và phát triển bình thường. Anh Nguyễn Văn Th hiện thường xuyên đi làm ăn xa và cũng đồng ý giao cháu H và cháu H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó giao cháu Nguyễn Gia H và cháu Nguyễn Ngọc H1 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức và nợ chung: chị Lê Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Tách phần tài sản, công sức và nợ chung để giải quyết trong vụ án khác nếu chị Lê Thị N hoặc anh Nguyễn Văn Th có yêu cầu.

- Về án phí: chị Lê Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/8/2013 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15/11/2015 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Nguyễn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tách phần tài sản, công sức và nợ chung để giải quyết trong vụ án khác nếu anh Nguyễn Văn Th hoặc chị Lê Thị N có yêu cầu.

4. Về án phí: chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039279 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- UBND xã A (nơi đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Đức Hiệp